ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất, kinh doanh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3053/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Thực trạng về hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trong thời gian qua:

1.1. Thương mại hóa hạn chế: tỷ lệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh hiện thấp hơn so với kỳ vọng[1] và tiềm năng.

Khảo sát bởi Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ cho thấy trong giai đoạn 2014 - 2018 số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả được thương mại hóa thành công chỉ chiếm tỷ lệ là 13%. Trong khi đó, số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ đã ở mức độ hoàn thiện sẵn sàng để chuyển giao nhưng chưa được thương mại hóa chiếm 37%, cho thấy tiềm năng thương mại hóa của hoạt động nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa được khai thác tối ưu.

Bảng 1. Kết quả khảo sát mức độ sẵn sàng cho thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu giai đoạn 2014 - 2018 (Nguồn: Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ)

Nhiệm vụ KH&CN đã nghiệm thu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
- Cần tiếp tục nghiên cứu thêm	795	50%
- Sẵn sàng chuyển giao	591	37%
- Đã được thương mại hóa	201	13%
Tổng cộng	**1.587**	**100%**

Hiện tại, tỷ lệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ đạt khoảng 5% số lượng nhiệm vụ đã nghiệm thu.

1.2. Rào cản pháp lý:

- Quy trình định giá tài sản trí tuệ theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

[1] Mục tiêu: 8 - 10%

sử dụng vốn nhà nước và các văn bản hướng dẫn triển khai Nghị định này còn phức tạp, thiếu linh hoạt, đặc biệt trong việc định giá tài sản trí tuệ và giao quyền sở hữu. Các đơn vị chủ trì phải đối mặt với nhiều thủ tục hành chính, rủi ro khi thực hiện xác định giá trị tài sản trí tuệ mới và thiếu cơ chế hỗ trợ linh hoạt.

- Tại Điều 27 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 đã tháo gỡ rào cản tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP, cụ thể:

*"**Điều 27. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo***

*1. Chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo **tự quyết định việc thương mại hóa kết quả**.*

*2. Tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được tự chủ, **tự quyết định lựa chọn hình thức, phương án, giá, phân chia lợi nhuận** thu được trong việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các hình thức thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng; kinh doanh dịch vụ; hợp tác, liên doanh, liên kết, thành lập doanh nghiệp; tự khai thác, sử dụng.*

*Trường hợp có hoạt động góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thì được **tự quyết định phương án góp vốn, xác định giá** để góp vốn và tỷ lệ vốn góp, phân chia kết quả từ hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết.*

..."

Tuy nhiên, điều này lại có những bất cập như:

a) Rủi ro về quản lý tài sản công và ngân sách nhà nước: Kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng cơ quan chủ trì được tự chủ định giá, thỏa thuận với các đối tác nhưng không quy định rõ tiêu chí kiểm soát để đánh giá hiệu quả ứng dụng, thương mại hóa, đảm bảo an toàn cho cơ quan quản lý, Tổ chức chủ trì hoặc tổ chức ứng dụng.

b) Rủi ro về pháp lý và trách nhiệm công vụ: Người đứng đầu cơ quan chủ trì hoặc cơ quan chủ quản của Tổ chức chủ trì có thể bị quy trách nhiệm nếu có thất thoát, sai phạm, kể cả do thiếu kinh nghiệm thương mại hóa.

c) Rủi ro về quản trị minh bạch và giám sát:

- Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 yêu cầu công khai, minh bạch, nhưng thực tế nhiều cơ quan công lập, Tổ chức chủ trì chưa có hệ thống kiểm soát nội bộ mạnh.

- Giám sát của cơ quan chủ quản hoặc cơ quan nhà nước về khoa học và công nghệ: phụ thuộc nhiều vào báo cáo kết quả ứng dụng, thương mại hóa của cơ quan chủ trì hoặc tổ chức ứng dụng; chưa có chuẩn chung để theo dõi, đánh giá hiệu quả ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đây là cơ sở để có biện pháp can thiệp kịp thời như: thu hồi và giao lại cho đơn vị khác.

d) Rủi ro về thị trường và hiệu quả kinh tế: Không phải kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nào cũng dễ dàng đưa ra thị trường. Nếu cơ quan chủ trì không có năng lực phân tích thị trường, nguy cơ đầu tư dở dang, lỗ vốn.

Như vậy, điểm mấu chốt là theo Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 thì Tổ chủ trì vừa được trao quyền rất rộng trong việc quản lý, sử dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhưng đồng thời cũng phải gánh trách nhiệm nặng nề hơn trong việc đảm bảo không thất thoát tài sản công, không để xảy ra lợi ích nhóm và vẫn giữ được mục tiêu phục vụ xã hội.

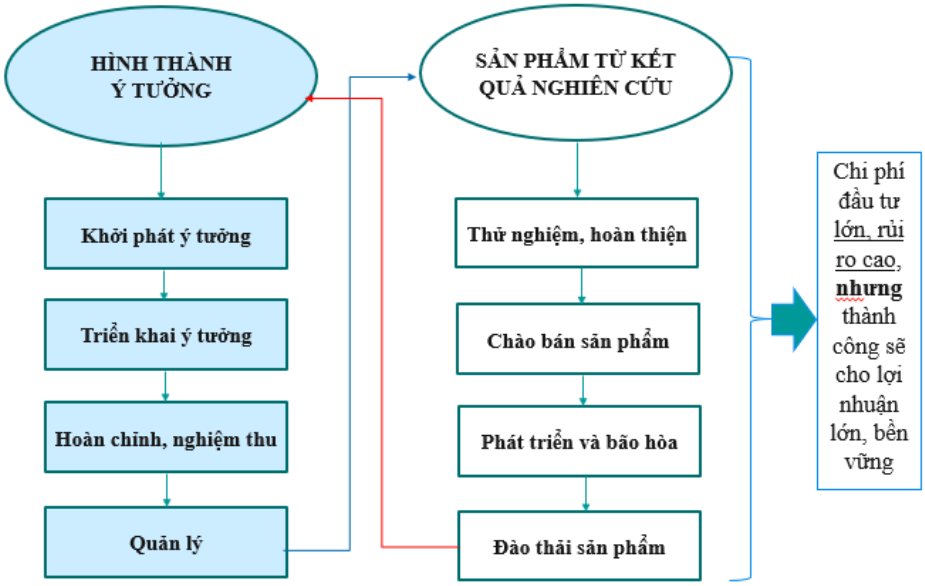
1.3. Thiếu kết nối: Việc kết nối giữa viện nghiên cứu, doanh nghiệp và cơ quan quản lý còn hạn chế, dẫn đến nhiều kết quả nghiên cứu không tìm được đối tác thương mại hóa hoặc không phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thị trường.

2. Phân tích các nguyên nhân về thực trạng

2.1. Quy định pháp lý:

- Nghị định số 70/2018/NĐ-CP yêu cầu xác định giá trị tài sản trí tuệ dựa trên các quy định chặt chẽ theo Luật quản lý và sử dụng tài sản công. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa không tạo đủ động lực cho các bên tham gia, đặc biệt là nhà khoa học và doanh nghiệp.

- Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 chỉ tập trung giải quyết ở khâu đầu và khâu sau của tiến trình thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nhưng chưa tập trung vào những hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo đúng bản chất như: hỗ trợ nghiên cứu tiếp tục để hoàn thiện sản phẩm, quy trình[2].



Hình 1. Tiến trình hình thành, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ

[2] Trường hợp này Nhà nước sẽ tiếp tục đầu tư kinh phí để thực hiện thì tổng kinh phí triển khai cho dự án có bao gồm kinh phí của nhiệm vụ trước hay không? Hoặc nếu Nhà nước đối ứng cùng Tổ chức chủ trì/đơn vị tài trợ/doanh nghiệp… thì cách tính tỉ lệ đối ứng của Nhà nước tại thời điểm đối ứng cho dự án sau có bao gồm kinh phí nhiệm vụ trước đó không.

- Đồng thời, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 đã tháo gỡ vướng mắc cho Tổ chức chủ trì nhưng chưa tháo gỡ vướng mắc khi giao kết quả cho cơ quan khác (ví dụ doanh nghiệp đối ứng kinh phí và có đề nghị được sở hữu hoặc ứng dụng kết quả)[3]. Điều này sẽ làm hạn chế mô hình hợp tác "3 nhà", đặc biệt là vai trò của doanh nghiệp tham gia vào hoạt động R&D theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. Trường hợp giao cho tổ chức khác thì phải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 25 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025:

"5. Nhà nước thu hồi kết quả hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp cần thiết để phổ biến rộng rãi phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho Nhân dân hoặc đáp ứng nhu cầu cấp thiết khác của xã hội;

b) Trường hợp sau 03 năm kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Tổ chức chủ trì không thực hiện triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ mà có tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu để tiếp tục phát triển, ứng dụng."

Kế hoạch số 4354-KH-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Kế hoạch hành động số 459-KHHĐ/TU ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có chỉ tiêu phấn đấu: *"Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) ≥ 2% GRDP, tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) > 60%"*, tuy nhiên, cơ chế giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu chưa thật sự hấp dẫn doanh nghiệp (tự động giao cho Tổ chức chủ trì). Quy định hiện hành chỉ cho phép giao kết quả nhiệm vụ cho tổ chức khác sau 03 năm nếu Tổ chức chủ trì không triển khai ứng dụng theo điểm b khoản 5 Điều 25 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, điều này sẽ làm hạn chế việc triển khai, đưa nhanh kết quả ra thị trường.

2.2. Hạn chế tổ chức trung gian:

Thiếu các tổ chức trung gian mạnh như văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO) để hỗ trợ nghiên cứu và phát triển thị trường:

- Theo Báo cáo của Ban Quản lý dự án quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho thấy:

a) Hoạt động khoa học và công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh tuy đang ngày càng năng động nhưng vẫn gặp một số trở ngại trong khâu thương mại hóa, là khâu quan trọng quyết định tầm ảnh hưởng thực tế của nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lên kinh tế - xã hội. Các hoạt động nghiên cứu tại trường đại học và viện nghiên cứu phần lớn dừng lại ở bước công bố kết quả trên các tạp chí, bài báo. Rất ít kết quả nghiên cứu được thương mại hóa, và hiện tại cũng không có quy định cụ thể cho việc các đơn vị, cá nhân thực hiện nghiên cứu phải báo cáo hoạt động thương mại hóa, dẫn đến việc khó nắm bắt hoạt động thương mại hóa kết quả

[3] Tại Thành phố có hơn 50% nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước TP.HCM thuộc nhóm này.

nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Một số nguyên nhân bao gồm việc thiếu các dịch vụ hỗ trợ thương mại hóa như định giá, hỗ trợ pháp lý, quảng bá kết quả nghiên cứu, thiếu cơ sở sản xuất thử, thử nghiệm, thiếu kinh phí để hoàn thiện công nghệ, thiếu vốn đầu tư để mở rộng quy mô sản xuất, nghiên cứu nâng cao và tăng cường quảng bá.

2.3. Hoạt động kết nối và nguồn lực hỗ trợ chưa đầy đủ: Tổ chức chủ trì thường gặp khó khăn về tài chính, thiếu môi trường kết nối, thiếu cơ sở vật chất để hoàn thiện sản phẩm và triển khai thương mại hóa. Cụ thể:

a) Chi phí đầu tư lớn: Một dự án khoa học và công nghệ không chỉ dừng lại ở giai đoạn nghiên cứu mà còn cần nguồn kinh phí đáng kể để tiến hành thử nghiệm, kiểm định chất lượng, và cải tiến sản phẩm trước khi đưa ra thị trường (Ví dụ: tại một số đơn vị nghiên cứu ở Thành phố Hồ Chí Minh, các dự án phát triển công nghệ vi sinh hoặc vật liệu mới phải tạm dừng vì không đủ kinh phí để sản xuất thử nghiệm quy mô lớn).

b) Khó tiếp cận nguồn hỗ trợ: các chính sách hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước còn chưa đủ linh hoạt, kịp thời (ví dụ quy trình tại Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN).

c) Thiếu cơ sở vật chất:

- Hạn chế về trang thiết bị: Nhiều tổ chức khoa học và công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa được trang bị đủ cơ sở vật chất hiện đại để thực hiện các công đoạn sản xuất thử nghiệm hoặc mô phỏng công nghệ[4]

- Thiếu phòng thí nghiệm đạt chuẩn: Các sản phẩm công nghệ như thiết bị y tế, thực phẩm chức năng cần được thử nghiệm trong các phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế để được cấp phép lưu hành, dẫn đến việc sản phẩm không thể tiếp cận thị trường kịp thời.

Như vậy, việc thiếu sự liên kết cũng như nguồn lực này sẽ dẫn đến 02 hệ quả chính: (1) Thời gian thương mại hóa kéo dài: nhiều kết quả nghiên cứu tiềm năng bị trì hoãn hoặc thậm chí không thể đưa ra thị trường vì thiếu tài chính và cơ sở vật chất; (2) Mất cơ hội cạnh tranh: Khi thời gian hoàn thiện kéo dài, các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ mất lợi thế cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao và đổi mới sáng tạo, nơi mà tốc độ triển khai là yếu tố sống còn.

3. Kinh nghiệm thực tiễn

3.1. Kinh nghiệm Quốc tế

a) Tại Hoa Kỳ: Hệ thống chuyển giao công nghệ tại Hoa Kỳ được tổ chức chuyên nghiệp thông qua các Văn phòng Chuyển giao Công nghệ (TTO) tại các trường đại học và viện nghiên cứu. TTO không chỉ hỗ trợ đăng ký bằng sáng chế mà còn tư vấn định giá công nghệ, kết nối với doanh nghiệp và hỗ trợ các hoạt động thương mại hóa. Chính phủ Hoa Kỳ áp dụng Đạo luật Bayh-Dole (1980), cho phép các tổ chức nhận tài trợ nghiên cứu giữ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu. Điều này khuyến khích các viện nghiên

[4] Tại một trung tâm nghiên cứu công nghệ sinh học, việc sản xuất hàng loạt sản phẩm chỉ có thể thực hiện thông qua hợp tác thuê ngoài, làm tăng chi phí và kéo dài thời gian triển khai.

cứu và trường đại học chủ động trong việc thương mại hóa các phát minh[5]

b) Vương quốc Anh: Các chính sách tài chính linh hoạt và thúc đẩy truyền thông công nghệ, đồng thời, đặt lợi ích của nhà khoa học làm trọng tâm. Anh quốc tập trung phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo và hợp tác công - tư. Các cơ sở nghiên cứu như Imperial Innovations (thuộc Đại học Imperial College London) đóng vai trò trung gian trong việc chuyển giao công nghệ. Chính phủ Anh triển khai các chương trình tài trợ như Innovate UK để hỗ trợ các công ty khởi nghiệp công nghệ và viện nghiên cứu trong việc phát triển và đưa sản phẩm ra thị trường. Hệ thống pháp luật Anh linh hoạt hơn trong định giá và li-xăng tài sản trí tuệ, giúp các viện nghiên cứu dễ dàng hợp tác với doanh nghiệp.

c) Tại Singapore: Singapore đầu tư mạnh vào các trung tâm nghiên cứu như A*STAR với mục tiêu kết nối các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp. Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo được thúc đẩy thông qua các quỹ đầu tư mạo hiểm do chính phủ hỗ trợ, giúp thương mại hóa các công nghệ mới trong các lĩnh vực như công nghệ sinh học và AI.

3.2. Kinh nghiệm trong nước

a) Các chính sách hỗ trợ hiện hành tập trung vào nghiên cứu và phát triển (R&D), nhưng thiếu cơ chế cụ thể cho giai đoạn thương mại hóa. Điều này khiến nhiều kết quả nghiên cứu tiềm năng không thể chuyển hóa thành sản phẩm kinh tế. Thiếu các quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc quỹ hỗ trợ thương mại hóa khiến các viện nghiên cứu và doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn tài chính cần thiết để đưa sản phẩm ra thị trường. Hoạt động hỗ trợ tái đầu tư từ ngân sách nhà nước còn gặp nhiều vướng mắc, dẫn đến hoạt động đầu tư cho nghiên cứu khoa học chỉ mang tính đơn lẻ (ví dụ: trường hợp nhà nước đã đầu tư 100% kinh phí từ ngân sách để triển khai nhiệm vụ A để đạt được tài sản là kết quả A'. Doanh nghiệp X muốn đồng đầu tư tiếp tục để phát triển kết quả A' và doanh nghiệp sẽ là cơ quan ứng dụng kết quả sau khi phát triển A', theo đó, doanh nghiệp đầu tư ít nhất 70% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ để phát triển, hoàn thiện kết quả A' và ngân sách nhà nước sẽ đối ứng tối đa 30%, tuy nhiên, khó khăn trong trường hợp này đối với cơ quan quản lý nhà nước là: 30% này có bao gồm giá trị đã đầu tư cho nhiệm vụ A để tạo ra A' không?, giá trị này được tính là bao nhiêu?... Đây cũng là rào cản khiến cho nhiều kết quả nghiên cứu chỉ dừng ở giai đoạn đầu hoặc "sinh non").

b) Tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Trung tâm Khởi nghiệp sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh - Sở Khoa học và Công nghệ (SIHUB): từ năm 2016 đến nay, SIHUB đã hỗ trợ hơn 500 dự án khởi nghiệp, trong đó có khoảng 150 dự án đạt được bước đầu thương mại hóa, tạo ra giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, chỉ 20% trong số các dự án này được kết nối với nguồn vốn đầu tư mạo hiểm hoặc các đối tác doanh nghiệp lớn do thiếu cơ chế hỗ trợ cụ thể từ chính sách công.

- Ban Quản lý Khu Công nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh (SHTP): từ năm 2010 - 2022, SHTP đã thu hút hơn 200 dự án đầu tư công nghệ cao với tổng vốn đầu tư hơn 12 tỷ USD. Một số sản phẩm, như chip bán dẫn và cảm biến thông minh, đã

[5] Ví dụ: công nghệ chỉnh sửa gene CRISPR, được phát triển tại Đại học California và đã mang lại hàng triệu USD thông qua các thỏa thuận li-xăng độc quyền.

đạt doanh thu hàng trăm triệu USD mỗi năm. Hạn chế: Chỉ 10% kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước được tích hợp vào các dự án đầu tư tại SHTP, chủ yếu do thiếu cơ chế kết nối và hỗ trợ từ các tổ chức trung gian.

4. Nhận định về sự cần thiết phải ban hành và triển khai Đề án

Khoản 5 Điều 3 Chương trình phối hợp giữa Ban cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ và Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: *"Xây dựng đề án thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất, kinh doanh."*

Khoản 5 phần II Kế hoạch số 3527/KH-UBND giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tham mưu: *"Đề án thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất, kinh doanh"*

Nghị quyết số 57-NQ/TW nêu một số nhiệm vụ, giải pháp cần được kịp thời thực hiện như sau: *"(i) Cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; (ii) Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra…; (iii) Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan; (iv) Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp... ; (v) Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia....; (vi) Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra...; (vii) Có cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược".*

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thay thế Nghị quyết số 03/NQ-CP đã xác định rất rõ các mục tiêu phấn đấu, theo đó, chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2030 *"Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại đạt 8 - 10%"*

Trong thời kỳ mới, với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và cạnh tranh toàn cầu, thương mại hóa kết quả nghiên cứu không chỉ là mục tiêu, mà còn là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hội nhập quốc tế và xây dựng một xã hội số. Để thành công, Thành phố cần có chính sách hỗ trợ đồng bộ, cơ chế linh hoạt và sự liên kết chặt chẽ giữa "03 nhà". Trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu nguồn lực nghiên cứu dồi dào, tiềm năng lớn và tận dụng cơ hội để bứt phá từ

Nghị quyết số 57-NQ/TW thì việc xây dựng Đề án nhằm tạo động lực và tháo gỡ các điểm nghẽn là rất cấp thiết. Đề án này không chỉ giúp tối ưu hóa giá trị các nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, mà còn là mô hình điểm cho hoạt động liên kết "03 nhà" thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và khuyến khích hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, góp phần xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu của quốc gia và khu vực.

Từ những phân tích trên, có thể thấy việc triển khai ***"Đề án thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất kinh doanh"*** (sau đây gọi tắt là Đề án) là rất cấp thiết với thời kỳ mới với 03 lý do chính: (i) *Một là,* tận dụng tối đa những cơ chế, chính sách đặc biệt tại Nghị quyết số 193/2025/QH15, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và chủ trương Nghị quyết số 57-NQ/TW; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc hiện hành[6]; (ii) *Hai là,* tận dụng tiềm năng: TP.HCM sở hữu nguồn lực nghiên cứu mạnh mẽ, nhưng cần cơ chế chính sách đột phá để tối ưu hóa giá trị các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (iii) *Ba là,* hiệu quả kinh tế - xã hội: thương mại hóa thành công sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo động lực cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Đề án phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kết luận số 14-KL/TW, thể hiện cam kết chính trị mạnh mẽ trong việc khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Trong khuôn khổ Đề án này, nhằm đảm bảo tính khả thi thí điểm trong thời gian ngắn, cấp bách, Đề án tập trung giải quyết 03 (ba) vấn đề chính: (1) Cơ chế giao quyền cho tổ chức, cá nhân không là Tổ chức chủ trì đối với tài sản hình thành từ việc triển khai nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước[7]; (2) Chính sách ưu đãi, hỗ trợ về các hoạt động trung gian để phát triển sản phẩm ra thị trường; (3) Cơ chế kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động thương mại hóa. Các cơ chế này nhằm tạo điều kiện để kết quả nghiên cứu nhanh chóng được thương mại hóa, thúc đẩy giá trị kinh tế - xã hội Thành phố.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc xây dựng dự thảo Đề án căn cứ các quy định cụ thể như sau:

1. Luật Quản lý và sử dụng tài sản công năm 2017;

2. Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019, năm 2022), sau đây gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ;

3. Luật đấu thầu năm 2023, sửa đổi bổ sung năm 2025;

4. Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025;

---

[6] Như: được sử dụng tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi chưa nghiệm thu để triển khai, ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa, …; cơ chế giao quyền cho tổ chức, cá nhân không là Tổ chức chủ trì đối với kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế tái đầu tư hoặc nghiên cứu tiếp tục để hoàn thiện sản phẩm đối với kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước; …

[7] Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

5. Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

6. Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

7. Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

8. Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

9. Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

10. Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

11. Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;

12. Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển TP.HCM đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

13. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

14. Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thay thế Nghị quyết số 03/NQ-CP;

15. Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung;

16. Chương trình phối hợp công tác giữa Ban cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ và Ban thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh số 51-CTPH/BCSĐBKHCN-TUTPHCM ngày 02 tháng 3 năm 2024;

17. Kế hoạch số 3815/KH-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động năng động, sáng tạo vì lợi ích chung;

18. Kế hoạch số 5337/KH-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung;

19. Kế hoạch số 3527/KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Triển khai Chương trình phối hợp công tác giữa Ban cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ và Ban thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh;

20. Kế hoạch số 4354-KH-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Kế hoạch hành động số 459-KHHĐ/TU ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

III. MỤC TIÊU - YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Mục tiêu

a) Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo: tạo điều kiện cho các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được ứng dụng vào thực tiễn, mang lại lợi ích kinh tế và xã hội.

b) Tăng cường hợp tác giữa nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức nghiên cứu: tạo ra môi trường hỗ trợ để kết nối giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp, đưa các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo ra thị trường.

c) Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước: đảm bảo các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách được khai thác và ứng dụng một cách hiệu quả, tạo giá trị gia tăng cho nền kinh tế.

2. Yêu cầu cần đạt

a) Số lượng kết quả nghiên cứu được thương mại hóa: tối thiểu 10 sản phẩm khoa học và công nghệ được phát triển và đưa ra thị trường trong giai đoạn thí điểm.

b) Tăng cường hợp tác giữa các bên: Hình thành ít nhất 05 quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, doanh nghiệp và nhà nước.

c) Số lượng tài sản trí tuệ hình thành từ kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ

và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được thương mại hóa đạt 08% - 10%.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ THỜI GIAN THÍ ĐIỂM

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng: Đề án này áp dụng cho cơ quan được giao quản lý ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, các tổ chức nghiên cứu, trường đại học thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn Thành phố.

2. Thời gian thí điểm: từ năm 2026 đến năm 2028. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phê duyệt hỗ trợ thương mại hóa trước thời điểm thí điểm hết hiệu lực thì vẫn tiếp tục được triển khai thực hiện cho đến khi kết thúc nhiệm vụ (bao gồm triển khai các cơ chế, chính sách và triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Đề án).

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối với việc thúc đẩy, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước đã được nghiệm thu:

1.1. Lựa chọn đối tượng, lập danh mục, mời tổ chức, cá nhân tham gia thí điểm

1.1.1. Bước 1: Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền lập danh mục đối tượng tham gia thí điểm có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố nghiệm thu "đạt" trở lên với 03 (ba) nhóm tiêu chí như: loại nhiệm vụ, lĩnh vực, xuất xứ của nhiệm vụ:

- Loại nhiệm vụ: là nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh đã được nghiệm thu và do Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ từ ngày 01 tháng 01 năm 2018[8] đến hết thời gian thí điểm.

- Lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc một trong các nhóm sau:

+ Theo điểm a, b, c khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định tiêu chí, đối tượng, điều kiện được hưởng ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập và thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

+ Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Xuất xứ của nhiệm vụ: thuộc một trong các trường hợp sau

(i) Có cơ quan đối ứng kinh phí;

[8] Điểm a, b khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 193/2025/QH15.

(ii) Có cơ quan đặt hàng hoặc ứng dụng;

(iii) Tự đề xuất nhưng có khả năng đáp ứng với nhu cầu thị trường, doanh nghiệp.

1.1.2. Bước 2: Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền thông báo đến các tổ chức được lựa chọn tham gia thí điểm bằng văn bản.

1.2. Tổ chức đánh giá, lựa chọn các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có tiềm năng thương mại hóa cao để thực hiện thí điểm:

1.2.1. Tổ chức chủ trì lập danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đề xuất thí điểm

- Tổ chức chủ trì tham gia thí điểm: có trách nhiệm lập danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố đã được nghiệm thu loại "đạt" trở lên từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến hết thời gian thí điểm, phân tích các yếu tố tiềm năng thương mại hóa sơ bộ dựa trên cấp độ sẵn sàng công nghệ (Technology Readiness Level - TRL)[9] gửi Sở Khoa học và Công nghệ đăng ký tham gia thí điểm.

- Các kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có TRL cao sẽ được ưu tiên thương mại hóa, nhằm đảm bảo tính khả thi kỹ thuật và rút ngắn thời gian triển khai.

- Cụ thể việc thiết lập tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu dựa trên 03 yếu tố:

(i) Mức độ đổi mới và tiềm năng ứng dụng thực tế;

(ii) Khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường và giá trị kinh tế dự kiến;

(iii) Đánh giá sơ bộ về chi phí triển khai và hoàn thiện.

1.2.2. Cách thức thực hiện đánh giá TRL:

- Bước 1: Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền xây dựng các mẫu khảo sát, bảng tiêu chí đánh giá chi tiết để đảm bảo tính minh bạch và nhất quán.

- Bước 2: Tổ chức chủ trì tham gia thí điểm thực hiện đánh giá, phân tích tiềm năng, đề xuất danh mục tiềm năng để thực hiện thí điểm và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, thẩm định.

- Bước 3: Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn, thành phần Hội đồng gồm nhà khoa học, công nghệ, nhà quản lý, nhà kinh doanh, chuyên gia pháp lý, tài chính và các thành phần khác có liên quan, … đánh theo 03 yếu tố đề ra:

a) Mức độ đổi mới và tiềm năng ứng dụng thực tế

a1) Phương pháp đánh giá

---

[9] Được NASA phát triển, là hệ thống đánh giá mức độ sẵn sàng của công nghệ, bao gồm các yếu tố như tính đổi mới, khả năng ứng dụng và hiệu quả triển khai.

+ Đánh giá định tính: nhận xét về mức độ sáng tạo, tính mới của công nghệ và khả năng giải quyết các vấn đề hiện tại.

+ Đánh giá định lượng: so sánh kết quả nghiên cứu với các công nghệ hiện có trên thị trường thông qua các tiêu chí như hiệu suất, độ bền hoặc chi phí vận hành.

a2) Tiêu chí cụ thể

+ Công nghệ có sử dụng các phát minh, sáng chế hoặc giải pháp kỹ thuật mới không?

+ Mức độ hoàn thiện (sản phẩm thử nghiệm, sản phẩm mẫu) và khả năng tiếp tục phát triển thành sản phẩm thương mại;

+ Tiềm năng cải thiện năng suất, hiệu quả hoặc giải quyết một vấn đề cấp bách.

b) Khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường và giá trị kinh tế dự kiến

b1) Phương pháp đánh giá

+ Phân tích thị trường: đánh giá quy mô, tốc độ tăng trưởng và xu hướng của thị trường mà công nghệ hướng đến.

+ Khảo sát nhu cầu: thu thập ý kiến từ doanh nghiệp, nhà đầu tư hoặc người tiêu dùng tiềm năng.

+ Phân tích giá trị: tính toán chi phí sản xuất và giá trị dự kiến mà sản phẩm có thể mang lại.

b2) Tiêu chí cụ thể

+ Quy mô thị trường mục tiêu và số lượng khách hàng tiềm năng;

+ Sự cạnh tranh trên thị trường (số lượng sản phẩm thay thế, đối thủ cạnh tranh);

+ Dự báo doanh thu và lợi nhuận tiềm năng trong 3 - 5 năm đầu.

c) Đánh giá sơ bộ về chi phí triển khai và hoàn thiện

c1) Phương pháp đánh giá

+ Xác định chi phí: Liệt kê các khoản chi phí cần thiết, bao gồm chi phí sản xuất thử nghiệm, đăng ký sở hữu trí tuệ, quảng bá sản phẩm và phân phối.

+ Phân tích hiệu quả đầu tư (Return on Investment-ROI): So sánh chi phí triển khai với lợi ích kinh tế dự kiến[10].

+ Mức độ hỗ trợ tài chính: Đánh giá khả năng huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, quỹ xã hội hóa hoặc các nhà đầu tư tư nhân.

c2) Tiêu chí cụ thể

+ Tổng chi phí ước tính để hoàn thiện sản phẩm.

+ Mức độ phức tạp trong việc triển khai (thời gian, nguồn lực kỹ thuật).

+ Tỷ lệ lợi nhuận dự kiến trên chi phí đầu tư.

---

[10] ROI=(Lợi nhuận ròng/Chi phí đầu tư)×100%

- Bước 4: Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền lập, phê duyệt và thông báo danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tham gia thí điểm trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền.

- Bước 5: Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền triển khai thực hiện các nhiệm vụ thí điểm theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (giao trực tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025).

2. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mới:

2.1. Lập danh mục, lựa chọn đối tượng tham gia

2.1.1. Bước 1:

Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Thông báo tuyển chọn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tham gia Đề án với các tiêu chí ưu tiên sau:

a) Lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc một trong các nhóm sau:

- Theo điểm a, b, c khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định tiêu chí, đối tượng, điều kiện được hưởng ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập và thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

b) Có cơ quan đối ứng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Có mô hình hợp tác "3 nhà"

d) Đã phân tích các yếu tố tiềm năng thương mại hóa sơ bộ dựa trên cấp độ sẵn sàng công nghệ TRL.

Tổ chức đăng ký chủ trì chuẩn bị hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các tài liệu minh chứng kèm theo) và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2.1.2. Bước 2: Sở Khoa học và Công nghệ lập danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

2.2. Công bố danh mục và tổ chức đánh giá:

Sở Khoa học và Công nghệ công bố danh mục, tổ chức Hội đồng tư vấn, triển khai thực hiện theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (giao trực tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật khoa học, công nghệ

và đổi mới sáng tạo năm 2025). Trong đó, việc đánh giá của Hội đồng tư vấn theo 03 yếu tố nêu tại điểm 1.2.1 và 1.2.2 khoản 1.2 Mục 1 Phần V Đề án.

3. Triển khai cơ chế thí điểm

3.1. Cơ chế giao quyền tài sản, kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho Tổ chức chủ trì hoặc tổ chức tiếp nhận, ứng dụng kết quả nhiệm vụ để tăng tính chủ động, tự chủ trong hoạt động khai thác, thương mại hóa kết quả nhiệm vụ:

a) Trường hợp tổ chức tiếp nhận, ứng dụng là Tổ chức chủ trì: thực hiện theo Điều 24, Điều 25, Điều 26 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

b) Tổ chức tiếp nhận, ứng dụng không là Tổ chức chủ trì[11]:

Trường hợp Tổ chức chủ trì không tiếp nhận hoặc không ứng dụng và có tổ chức khác có nhu cầu ứng dụng (được thể hiện: tại Thuyết minh nhiệm vụ, Hợp đồng ký kết hoặc bằng văn bản khác có liên quan): kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (từ ngày được Hội đồng nghiệm thu chính thức thông qua được xác lập bằng Biên bản): Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền giao cho tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu ứng dụng bằng văn bản hành chính mà không cần phải chờ "03 năm kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo".

Các cơ chế này không bao gồm trường hợp thuộc khoản 2 Điều 25 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

3.2. Cơ chế tài chính và hỗ trợ các hoạt động thương mại hóa

3.2.1. Thiết lập nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động thương mại hóa:

a) Triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tiếp tục hoàn thiện sản phẩm:

- Hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với tổng kinh phí triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để kích thích doanh nghiệp, thu hút nguồn xã hội hóa tham gia phát triển sản phẩm khoa học và công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng vốn nhà nước theo hình thức giao trực tiếp. Sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm triển khai hoạt động thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ quá trình thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm theo quy định; thẩm quyền quyết định việc lập và phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025).

---

[11] Tổ chức tiếp nhận trong trường hợp này có thể là cơ quan ứng dụng hoặc cơ quan đồng đầu tư kinh phí.

- Tỷ lệ kinh phí đối ứng từ ngân sách nhà nước được tính tại thời điểm đối ứng trên tổng kinh phí triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tiếp tục hoàn thiện sản phẩm không bao gồm giá trị kinh phí (toàn bộ hoặc một phần) từ ngân sách nhà nước đã đầu tư cho nhiệm vụ trước đó.

b) Được hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới (nếu có) theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức hỗ trợ đăng ký trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.2. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác có liên quan

a) Quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, tài sản trang bị để thực hiện nhiêm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiếp tục hoàn thiện sản phẩm, các hoạt động về năng suất chất lượng, …được thực hiện theo điểm 3.1 khoản 3 Phần V Đề án.

b) Tổ chức được giao quyền thực hiện hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và phân chia lợi nhuận theo Điều 27, các cơ chế đặc biệt của Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và các cơ chế của Đề án.

c) Trong trường hợp bán, chuyển nhượng tài sản; góp vốn bằng tài sản để liên doanh, liên kết có hình thành pháp nhân mới:

- Trong vòng 06 tháng kể từ ngày có quyết định giao của đại diện chủ sở hữu Nhà nước hoặc kể từ thời điểm kết thúc nhiệm vụ hoặc sau khi hoàn thành mục đích sử dụng[12] đối với tài sản, kết quả nhiệm vụ: Tổ chức chủ trì hoặc tổ chức tiếp nhận thực hiện xác định giá trị tài sản, kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại quyết định giao hoặc được ưu tiên áp dụng phương pháp xác định giá trị tài sản dựa trên chi phí đầu tư cho nhiệm vụ để xác định giá trị tài sản, kết quả nhiệm vụ. Trong trường hợp giá trị trên văn bản thỏa thuận (Hợp đồng) khi thực hiện hoạt động thương mại hóa có giá trị cao hơn so với giá trị được xác định tại quyết định giao hoặc giá trị do Tổ chức chủ trì hoặc tổ chức tiếp nhận xác định thì Tổ chức chủ trì hoặc Tổ chức tiếp nhận ưu tiên chọn trường hợp này.

- Sau thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định của đại diện chủ sở hữu Nhà nước hoặc kể từ thời điểm kết thúc nhiệm vụ hoặc sau khi hoàn thành mục đích sử dụng: Tổ chức chủ trì hoặc Tổ chức tiếp nhận thực hiện xác định lại giá trị tài sản, kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nêu trên. Giá trị tài sản, kết quả nhiệm vụ được ghi nhận trên cơ sở thỏa thuận theo Hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

- Tổ chức chủ trì hoặc Tổ chức tiếp nhận chịu trách nhiệm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có), thực hiện các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định

[12] Điều 7 Nghị quyết số 193/2025/QH15.

hiện hành.

d) Trong trường hợp thương mại hóa không thành công: Tổ chức chủ trì hoặc Tổ chức tiếp nhận và các cá nhân tham gia hoạt động thương mại hóa được chấp nhận rủi ro theo Điều 9 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

đ) Các tổ chức, cá nhân tham gia thí điểm Đề án được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Điều 55 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

e) Các hoạt động hỗ trợ trung gian:

- Ưu tiên triển khai Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 5718/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; tư vấn Sở hữu trí tuệ và các hỗ trợ khác có liên quan (ví dụ: tư vấn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tư vấn đăng ký sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, quản trị tài sản trí tuệ, …):

- Hình thành không gian hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ các hoạt động trung gian liên quan đến thương mại hóa tại Trung tâm Khởi nghiệp sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Cung cấp dịch vụ định giá tài sản trí tuệ, hỗ trợ các đơn vị chủ trì nghiên cứu trong việc xác định giá trị thực tế của sản phẩm khoa học và công nghệ;

+ Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về thiết kế sản phẩm, cải tiến kỹ thuật và phát triển công nghệ để nâng cao năng lực của các nhóm nghiên cứu và doanh nghiệp khởi nghiệp;

+ Phối hợp với các tổ chức quốc tế và doanh nghiệp lớn để triển khai chương trình cố vấn (mentorship) trong quá trình thương mại hóa.

h) Hình thành mạng lưới hợp tác giữa nhà nước, viện nghiên cứu và doanh nghiệp:

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, triển lãm kết nối cung - cầu công nghệ giữa viện nghiên cứu và doanh nghiệp.

- Phối hợp với các tổ chức trung gian như văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO) để tìm kiếm đối tác tiềm năng.

3.3. Cơ chế sử dụng phần lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thương mại hóa thực hiện theo Điều 28 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

4. Khuyến khích hợp tác với các viện đào tạo quốc tế: Hợp tác với các viện nghiên cứu quốc tế, trường đại học có uy tín để triển khai các chương trình tập huấn nâng cao trình độ nhân sự.

VI. THEO DÕI ĐÁNH GIÁ, BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ ĐIỂM

1. Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền có trách nhiệm thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi, xây dưng bộ tiêu chí hoặc công cụ đánh giá kết quả ứng dụng hàng năm sau khi thực hiện giao quyền sử dụng, sở hữu:

1.1. Thực hiện việc theo dõi, tiếp nhận, đánh giá kết quả triển khai ứng dụng

của tổ chức được giao theo quy định hiện hành.

1.2. Các chỉ số đo lường bao gồm nhưng không giới hạn như: tỷ lệ sản phẩm thương mại hóa thành công, mức độ tăng trưởng doanh thu từ kết quả nghiên cứu, khả năng mở rộng và phát triển sản phẩm trên thị trường, … được sử dụng để đánh giá hiệu quả dự án hoặc chương trình thí điểm sau mỗi giai đoạn.

2. Tổ chức chủ trì, Tổ chức tiếp nhận:

- Có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định và theo thỏa thuận (nếu có); báo cáo kết quả ứng dụng (kèm báo cáo tài chính độc lập) gửi về cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên tục 05 năm kể từ ngày có quyết định giao của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ (tính từ ngày Hội đồng nghiệm thu chính thức thông qua bằng Biên bản).

- Ban hành quy chế hoặc quy định nội bộ về quản lý tài sản trí tuệ, kết quả nhiệm vụ khao học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại đơn vị (bao gồm nhưng không giới hạn những nội dung: quy định về xác lập quyền, xác định giá, phân chia lợi nhuận, bảo mật, …)

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền báo cáo, đánh giá kết quả thí điểm.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước: ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ để hỗ trợ quá trình thương mại hóa.

2. Nguồn vốn xã hội hóa: khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia góp vốn để phát triển các sản phẩm khoa học và công nghệ.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền

1.1. Chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị có liên quan:

a) Hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án.

b) Tham mưu cấp có thẩm quyền quy định mức kinh phí hỗ trợ theo quy định tại tiết a điểm 3.2.1 khoản 3.2 Mục 3 Phần V Đề án.

c) Tổ chức triển khai các nội dung Phần V Đề án.

- Lập danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo khoản 1, khoản 2 Phần V Đề án.

- Lựa chọn đối tượng tham gia thí điểm và phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai thí điểm.

- Thực hiện việc giao tài sản, kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo cơ chế nêu tại điểm 3.1 khoản 3 Phần V Đề án.

- Tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ theo các Giải pháp thực hiện tại Phần V Đề án.

1.2. Cập nhật dữ liệu về các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc tài sản trí tuệ tiềm năng hoặc sẵn sàng hoặc đã thương mại hóa thành công trên Cổng thông tin điện tử thành phần của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thẩm quyền.

1.3. Phối hợp các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã - phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan tăng cường truyền thông, quảng bá thông tin về các hoạt động triển khai Đề án đặc biệt là các sản phẩm khoa học và công nghệ được thương mại hóa thành công.

1.4. Định kỳ tổng hợp, báo cáo, đánh giá kết quả triển khai thực hiện (sơ kết giữa giai đoạn và tổng kết), tham mưu điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Đề án (nếu có) và đề xuất nội dung triển khai cho giai đoạn tiếp theo phù hợp mục tiêu và định hướng phát triển, năng lực thực tiễn của Thành phố.

2. Tổ chức chủ trì

2.1. Tổ chức tiếp nhận, quản lý tài sản, kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao hoặc phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức giao quyền đối với tài sản hình thành từ nhiệm vụ, đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định hoặc thỏa thuận (nếu có).

2.2. Lập phương án triển khai, thương mại hóa tài sản, kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2.3. Phối hợp với đại diện chủ sở hữu Nhà nước hoặc Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các hoạt động thương mại hóa theo quy định của Đề án.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng ngân sách, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bố trí kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện Đề án theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

4. Các Sở, ban, ngành, phường - xã (sau khi tái cơ cấu) và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện Đề án.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp) để xem xét, quyết định./.